

Số: 111/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 07 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 168/2026/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993; Đăng ký HKTT và trú tại: TDP N, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Chị Ngô Thị H, sinh năm 1991; Đăng ký HKTT và trú tại: Xóm A, thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 01/11/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh B và chị H tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống, cách suy nghĩ và phương thức giải quyết các vấn đề trong gia đình. Hai bên không tìm được tiếng nói chung từ nếp sống sinh hoạt hàng ngày đến định hướng trong việc làm ăn kinh tế, dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi, căng thẳng. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hòa giải, nhường nhịn để duy trì hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng dần rạn nứt, không còn sự quan tâm, chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau.

Hai bên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay, không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh B và chị H đều xác định tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên cùng thống nhất làm đơn yêu cầu TAND khu vực 3 – Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì cả hai đương sự giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh B và chị H đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngô Trí Đ, sinh ngày 06/5/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 15/4/2024. Hai cháu phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và hiện đều đang sống cùng chị H. Ngoài ra anh chị không có con riêng, không có con nuôi, chị H hiện không mang thai.

Anh B và chị H thỏa thuận và thống nhất: Giao cháu Nguyễn Ngô Trí Đ, sinh ngày 06/5/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 15/4/2024 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ và cháu Châu thành N (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B và chị H đều thống nhất thỏa thuận: Kể từ tháng 05/2026 thì mỗi tháng anh B phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị H để chị H nuôi cháu Nguyễn Ngô Trí Đ và Nguyễn Ngọc Minh C là 3.000.000đ/01 tháng/01 cháu (Ba triệu đồng trên một tháng trên một cháu) tổng là 6.000.000đ/tháng (Sáu triệu đồng trên một tháng) cho đến khi cháu Đ và cháu Châu thành N (đủ 18 tuổi)

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh B chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh B và chị H đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không xây dựng đóng góp được gì cho hai bên gia đình nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] **Về lệ phí:** Anh B tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được chị H nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị H đều tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngô Trí Đ, sinh ngày 06/5/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 15/4/2024 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ và cháu Châu thành N (đủ 18 tuổi).

- **Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh B và chị H đều thống nhất thoả thuận: Kể từ tháng 05/2026 thì mỗi tháng anh B phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị H để chị H nuôi cháu Nguyễn Ngô Trí Đ và Nguyễn Ngọc Minh C là 3.000.000đ/01 tháng/01 cháu (Ba triệu đồng trên một tháng trên một cháu) tổng là 6.000.000đ/tháng (Sáu triệu đồng trên một tháng) cho đến khi cháu Đ, cháu Châu thành N (đủ 18 tuổi).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh B chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh B tự nguyện nhận nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn và được chị H nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu số 0002094 ngày 23/4/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì anh B đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Trạm Lộ, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Thu Hương